

Số: **01** /2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **21** tháng **01** năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang  
và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang**

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;*

*Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tại công văn số 1347/UBND-KTCN ngày 11 tháng 12 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang.*

**Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang**

Công bố vùng nước cảng biển Kiên Giang thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang bao gồm các vùng nước sau:

1. Vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Hòn Chông.
2. Vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Bình Trị.
3. Vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Hà Tiên.
4. Vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực An Thới - Dương Đông.
5. Vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Bãi Vòng - An Thới.
6. Vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Gành Dầu.

**Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang**

Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Hòn Chông :

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm HC1, HC2, HC3, HC4 và HC5 có tọa độ sau đây:

HC1 :  $10^{\circ}09'03''$  N,  $104^{\circ}35'59''$  E;

HC2 :  $10^{\circ}09'00''$  N,  $104^{\circ}34'10''$  E;

HC3 :  $09^{\circ}59'56''$  N,  $104^{\circ}33'36''$  E;

HC4 :  $09^{\circ}59'56''$  N,  $104^{\circ}35'33''$  E;

HC5 :  $10^{\circ}08'39''$  N,  $104^{\circ}35'56''$  E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm HC1 chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam đến điểm HC5.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Bình Trị:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm BT1, BT2, BT3, BT4 và BT5 có tọa độ sau đây :

BT1 :  $10^{\circ}14'15''$  N,  $104^{\circ}35'08''$  E;

BT2 :  $10^{\circ}14'24''$  N,  $104^{\circ}24'00''$  E;

BT3 :  $10^{\circ}10'36''$  N,  $104^{\circ}24'00''$  E;

BT4 :  $10^{\circ}11'36''$  N,  $104^{\circ}32'36''$  E;

BT5 :  $10^{\circ}11'00''$  N,  $104^{\circ}35'20''$  E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm BT1 chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam đến điểm BT5.

3. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Hà Tiên:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm HT1, HT2 và HT3 có tọa độ sau đây:

HT1:  $10^{\circ}21'56''$  N,  $104^{\circ}26'36''$  E;

HT2:  $10^{\circ}20'36''$  N,  $104^{\circ}27'36''$  E;

HT3:  $10^{\circ}22'57''$  N,  $104^{\circ}29'00''$  E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm HT1 chạy dọc theo bờ biển đến cửa sông Tô Châu, từ cửa sông Tô Châu chạy dọc theo bờ phải sông (tính từ biển vào) đến cách cầu Đông Hồ 100 mét về phía hạ lưu, cắt ngang sông chạy dọc theo bờ trái đến cửa sông, từ cửa sông Tô Châu chạy dọc theo bờ biển đến điểm HT3.

4. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực An Thới - Dương Đông:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm AT1, AT2, AT3, AT4, AT5, AT6 và AT7 có tọa độ sau đây :

AT1 :  $10^{\circ}14'30''$  N,  $103^{\circ}56'47''$  E;

AT2 :  $10^{\circ}14'30''$  N,  $103^{\circ}50'00''$  E;

AT3 :  $09^{\circ}56'12''$  N,  $104^{\circ}00'00''$  E;

AT4 :  $09^{\circ}56'12''$  N,  $104^{\circ}02'42''$  E;

AT5 :  $09^{\circ}59'30''$  N,  $104^{\circ}02'24''$  E;

AT6 :  $10^{\circ}00'18''$  N,  $104^{\circ}01'42''$  E;

AT7 :  $10^{\circ}00'46''$  N,  $104^{\circ}00'54''$  E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm AT1 chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam đến điểm AT7.

5. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Bãi Vòng - An Thới:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm BV1, BV2, BV3 và BV4 có tọa độ sau đây :

BV1:  $10^{\circ}12'48''$  N,  $104^{\circ}04'17''$  E;

BV2:  $10^{\circ}12'48''$  N,  $104^{\circ}07'06''$  E;

BV3:  $10^{\circ}00'19''$  N,  $104^{\circ}04'08''$  E;

BV4:  $10^{\circ}00'19''$  N,  $104^{\circ}03'08''$  E (mũi Ông Đội).

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm BV1 chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam đến điểm BV4.

6. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Gành Dầu:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm GD1, GD2, GD3 và GD4 có tọa độ sau đây :

GD1:  $10^{\circ}22'36''$  N,  $103^{\circ}51'36''$  E;

GD2:  $10^{\circ}23'12''$  N,  $103^{\circ}51'00''$  E;

GD3:  $10^{\circ}22'36''$  N,  $103^{\circ}49'12''$  E;

GD4:  $10^{\circ}22'00''$  N,  $103^{\circ}49'50''$  E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm GD1 chạy dọc theo bờ biển về hướng mũi Gành Dầu đến điểm GD4.

7. Ranh giới cửa sông, rạch trong phạm vi vùng nước quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này được giới hạn bởi đoạn thẳng nối hai điểm bờ nhô xa nhất ở cửa sông, rạch đó.

8. Ranh giới vùng nước cảng biển quy định tại Điều này được xác định trên Hải đồ số IA-100-31 xuất bản năm 2008 và IA-100-32, tái bản lần thứ nhất năm 2006 của Hải quân nhân dân Việt Nam. Tọa độ các điểm quy định tại Điều này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang các Hệ tọa độ tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

### **Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão và các khu nước, vùng nước có liên quan khác**

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang**

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan đối với hoạt động hàng hải tại các bến cảng và vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước, trọng tải của tàu thuyền và tính chất hàng hóa, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

### **Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang**

Ngoài phạm vi vùng nước cảng biển quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2015. Bãi bỏ Quyết định số 41/2007/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao

thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu VT, PC (5).



**Định La Thăng**

**Phụ lục**  
**CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2015/TT-BGTVT  
ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Hòn Chông gồm các vị trí từ HC1 đến HC5 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
HC1	10°09'03"	104°35'59"	10°08'59,4"	104°36'05,4"
HC2	10°09'00"	104°34'10"	10°08'56,4"	104°34'16,4"
HC3	09°59'56"	104°33'36"	09°59'52,4"	104°33'42,4"
HC4	09°59'56"	104°35'33"	09°59'52,4"	104°35'39,4"
HC5	10°08'39"	104°35'56"	10°08'35,4"	104°36'02,4"

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Bình Trị gồm các vị trí từ BT1 đến BT5 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
BT1	10°14'15"	104°35'08"	10°14'11,4"	104°35'14,4"
BT2	10°14'24"	104°24'00"	10°14'20,4"	104°24'06,4"
BT3	10°10'36"	104°24'00"	10°10'32,4"	104°24'06,4"
BT4	10°11'36"	104°32'36"	10°11'32,4"	104°32'42,4"
BT5	10°11'00"	104°35'20"	10°10'56,4"	104°35'26,4"

3. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Hà Tiên gồm các vị trí từ HT1 đến HT3 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
HT1	10°21'56"	104°26'36"	10°21'52,4"	104°26'42,4"
HT2	10°20'36"	104°27'36"	10°20'32,4"	104°27'42,4"
HT3	10°22'57"	104°29'00"	10°22'53,4"	104°29'06,4"

4. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực An Thới – Dương Đông gồm các vị trí từ AT1 đến AT7 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
AT1	10°14'30"	103°56'47"	10°14'26,4"	103°56'53,4"
AT2	10°14'30"	103°50'00"	10°14'26,4"	103°50'06,4"
AT3	09°56'12"	104°00'00"	09°56'08,4"	104°00'06,4"
AT4	09°56'12"	104°02'42"	09°56'08,4"	104°02'48,4"
AT5	09°59'30"	104°02'24"	09°59'26,4"	104°02'30,4"
AT6	10°00'18"	104°01'42"	10°00'14,4"	104°01'48,4"
AT7	10°00'46"	104°00'54"	10°00'42,4"	104°01'00,4"

5. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Bãi Vòng – An Thới gồm các vị trí từ BV1 đến BV4 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
BV1	10°12'48"	104°04'17"	10°12'44,4"	104°04'23,4"
BV2	10°12'48"	104°07'06"	10°12'44,4"	104°07'12,4"

BV3	10°00'19"	104°04'08"	10°00'15,4"	104°04'14,4"
BV4	10°00'19"	104°03'08"	10°00'15,4"	104°03'14,4"

6. Phạm vi vùng nước cảng biển Kiên Giang tại khu vực Gành Dầu gồm các vị trí từ GD1 đến GD3 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
GD1	10°22'36"	103°51'36"	10°22'32,4"	103°51'42,4"
GD2	10°23'12"	103°51'00"	10°23'08,4"	103°51'06,4"
GD3	10°22'36"	103°49'12"	10°22'32,4"	103°49'18,4"
GD4	10°22'00"	103°49'50"	10°21'56,4"	103°49'56,4"